

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81a/2022/DS-ST.

Ngày: 06/9/2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Loan

Ông Trương Đức Lâm

**Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà:** ông Lê Đình Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 101/TLST- DS ngày 17/5/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2022/QĐXXST-DS ngày 24/7/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Kim N, sinh năm 1941(có mặt)

Địa chỉ: Xóm Huệ, thôn X, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1980(vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Trong, thôn X, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1942

Ủy quyền cho ông Ông Ngô Kim N, sinh năm 1941(có mặt)

Đều địa chỉ: Xóm Huệ, thôn X, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982(vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Trong, thôn X, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Kim N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là người cùng thôn nên ông đã cho anh L vay tiền nhiều lần. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền đầy đủ, cụ thể như sau:

- Ngày 24/2/2014 (dương lịch) anh L vay của ông số tiền là 40 triệu đồng.
- Ngày 23/11/2014(dương lịch) anh L vay của ông số tiền là 12 triệu đồng.
- Ngày 29/8/2014 (dương lịch) anh L vay của ông số tiền là 25 triệu đồng.
- Tháng 4/2015 anh L vay của ông số tiền là 20 triệu đồng. Sau đó hai bên thống nhất gộp hai mã vay ngày 29/8/2014 và mã vay tháng 4/2015 thành một mã tổng là 45 triệu đồng.

Tổng số tiền mà anh L nợ ông là 97.000.000 đồng. Khi vay anh L là người viết giấy vay nợ với ông và ký nhận nợ.

Trong quá trình vay anh L đã trả cho ông một số tiền lãi khoảng 16.500.000 đồng. Nay ông yêu cầu anh L trả số tiền nợ gốc là 97.000.000 đồng và tiền lãi là 100.000.000 đồng. Tổng là 197.000.000 đồng ( một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn là Nguyễn Ngọc L trình bày: Anh có vay của ông N tổng số tiền là 77.000.000 đồng theo 03 giấy biên nhận vay tiền như ông N trình bày là đúng gồm:

- Ngày 24/2/2014 (dương lịch) anh vay ông N số tiền là 40 triệu đồng.
- Ngày 23/2014(dương lịch) anh vay của ông N số tiền là 12 triệu đồng.
- Ngày 29/8/2014 (dương lịch) anh vay của ông N số tiền là 25 triệu đồng.

Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng và anh có trả cho ông N được một số tháng tiền lãi như ông N trình bày khoảng 16.500.000đồng. Do công việc làm ăn của anh gặp khó khăn nên anh không có tiền trả cho ông N.

Ngoài số tiền vay thì anh còn chơi phường với ông N và anh xác định còn nợ ông N số tiền phường là 20 triệu đồng. Anh và ông N cùng thống nhất chuyển số nợ tiền phường thành tiền vay. Nay anh đồng ý trả cho ông N số tiền nợ gốc là 97.000.000 đồng và số tiền lãi là 100.000.000 đồng.Tổng số tiền là 197.000.000 đồng. Anh L xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Minh Thành đã ủy quyền cho ông Ngô Kim N trình bày: Ông xác định số tiền là của vợ chồng ông và đề nghị Tòa án buộc anh L phải trả cho vợ chồng ông số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T trình bày: Việc vay mượn tiền giữa anh L và ông N như thế nào thì chị không biết nên chị không có liên quan gì. Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là anh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị T không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự ; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Kim N buộc anh Nguyễn Ngọc L phải có nghĩa trả cho vợ chồng ông Ngô Kim N số tiền gốc là 97.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 100.000.000 đồng. Tổng là 197.000.000 đồng.

Về án phí: anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do ông N đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ do ông N giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy ông Ngô Kim N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Ngọc L thanh toán số tiền còn nợ là 197.000.000 đồng là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Ngọc L là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Ngọc L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và quá trình tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy: Do mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông N có cho anh Nguyễn Ngọc L vay số tiền 77.000.000đồng, có giấy biên nhận và số tiền nợ phường là 20.000.000đồng. Sau đó ông N và anh L đã thỏa thuận gộp thành tiền vay tổng cộng là 97.000.000đồng. Quá trình hòa giải ông N và anh L đã thống nhất thỏa thuận số tiền phải trả là 197.000.000đồng nhưng anh L xin được trả dần mỗi năm 10.000.000đồng nhưng ông N không đồng ý cho anh L trả dần. Do các bên đã thống nhất về số tiền anh L phải trả cho ông N cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc anh L phải trả cho ông N số tiền là 197.000.000đồng.

[3] Về nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán: Tại phiên tòa ông N xác định số tiền anh L còn nợ là tài sản chung của vợ chồng ông nên cần buộc anh L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho vợ chồng ông.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông N được chấp nhận nên bị đơn anh L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự ; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Kim N.

Buộc anh Nguyễn Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Ngô Kim N và bà Nguyễn Thị Minh T số tiền là 197.000.000đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành có có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.850.000đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Thị Oanh**